

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 09 THÁNG 10 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						340 999	109 038	201 917			
I		CẢNG CHÍNH						40 291	26 034	14 257			
		Tàu đã làm hàng (trong cầu)						35 670	26 034	9 636			
1		CHUYÊN TẢI HẢI NAM 79	08/10	152		CẨM PHẢ 20	CẨM 6A.1	3 900	3 814	86	09/10		MỐN: 3.836,71
2		THAN MIỀN NAM	07/10	03/10	14/10	VIỆT THUẬN 095-02	CẨM 5A.1	9 000	8 654	346	09/10	BAUXIT	
3		ĐẠM HÀ BẮC	08/10	1316/10	22/10	TD 68-TT	CẨM 4A.1	2 270	2 238	32	09/10	HỘ LỎN	
4		COALIMEX	08/10	1250/9	12/10	BN 0979	CỤC XỎ 1C	1 000	568	432	RÓT DỖ	TD	GIA HẠN L3
5		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	08/10	1318/10		VIỆT THUẬN 169	CẨM 6A.1	19 500	10 760	8 740	RÓT DỖ	HỘ LỎN	
		Tàu đã làm lệnh (trong cầu)						4 621		4 621			
1		TNV HẢI DƯƠNG	07/10	04/10	14/10	BN 2212	CỤC XỎ 1C	1 921		1 921		TD	
2		ĐẠM HÀ BẮC	08/10	1317/10	22/10	QN 4330	CẨM 4A.1	1 700		1 700		HỘ LỎN	
3		SX & TM UÔNG BÍ	09/10	05/10	15/10	BN 0719	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
		Tàu chuyển tải						158 100	53 330	104 770			
		Tàu đang làm hàng						66 300	53 330	12 970			
1		ĐIỆN DUYỄN HẢI	02/10	1308/10		VIỆT THUẬN 26-01	CẨM 6A.14	23 800	19 799	4 001	DỖ	HỘ LỎN	TTHG:9.000 - TTCO:14.799,01
2		ĐIỆN DUYỄN HẢI	02/10	1305/10		QUANG VINH 188	CẨM 5B.14	19 200	11 135	8 065	DỖ	HỘ LỎN	TTHG: 11.200 - KDTCP: 8.000
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	02/10	1307/10		TRƯỜNG NGUYỄN STAR	CẨM 6A.1	23 300	22 396	904	DỖ	HỘ LỎN	TTHG: 18.000 - KVCP: 5.300
		Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)						91 800		91 800			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	07/10	1312/10		HPS-02	CẨM 6A.1	24 050		24 050		HỘ LỎN	TTHG: 14.000 - KVCP: 10.050
2		ĐIỆN DUYỄN HẢI	07/10	1314/10		VIỆT THUẬN 30-06	CẨM 5B.14	20 000		20 000		HỘ LỎN	TTHG: 13.000 - KDTCP: 7.000
3		ĐIỆN VŨNG ÁNG	07/10	1315/10		VIỆT THUẬN 235	CẨM 5A.14	22 750		22 750		HỘ LỎN	TTCO: 9.750 - CLM: 9.000 - KDTCP: 4.000
4		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	08/10	1319/10		VIỆT THUẬN 235-02	CẨM 6A.1	25 000		25 000		HỘ LỎN	TTHG: 20.000 - KVCP: 5.000
II		KHO G9-HÓA CHẤT						24 056	10 012	14 044			
		Tàu đã làm hàng						13 039	10 012	3 027			
1		XD CN MỎ	08/10	240	15/10	BN - 2227	CẨM 8A	1 932	1 918	14	09/10	TD	ĐN - CS
2		COALIMEX	07/10	191	14/10	VIỆT TRUNG 68	CẨM 8A	1 980	1 960	20	09/10	TD	ĐN - CS
3		MIỀN BẮC	08/10	243	15/10	NB - 2359	CẨM 6A.1	1 680	1 660	20	09/10	PT CB	HÀ LONG
4		MIỀN BẮC	08/10	221	15/10	HP - 6093	CẨM 6A.1	2 048	2 033	15	09/10	PT CB	HÀ LONG
5		CP VT THUỶ	09/10	248	16/10	NAM ANH 279	CẨM 8A	1 500	813	687	DỖ	TD	ĐN - CS
6		CP ĐTTM&DV	09/10	274	16/10	THÀNH AN 45	CẨM 7B	1 920	618	1 302	DỖ	TD	CAO SƠN - THAY TB 45/10
7		CP VT THUỶ	09/10	266	16/10	HD 2266	CẨM 8A	1 979	1 010	969	DỖ	TD	CAO SƠN - THAY TB 1238/9
		Tàu đã làm lệnh						11 017		11 017			

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 09 THÁNG 10 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
1		SÔNG HỒNG	09/10	25	16/10	BN - 1626	CỤC 1A	917		917		TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
2		XD CN MỎ	09/10	60	16/10	BN - 1718	CỤC 1B	1 500		1 500		TD	ĐN - CS + CAO SƠN - GIA HẠN L1
3		CP HÀNG HẢI VN	04/10	155	11/10	BN - 0962	CỤC 1B	1 150		1 150		TD	ĐN - CS
4		CP ĐTTM&DV	05/10	168	12/10	BN - 0869	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	ĐN - CS - THAY TB 159/10
5		THANH HOÁ	07/10	179	13/10	BN - 2022	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	ĐN - CS - THAY TB 199/8
6		SÔNG HỒNG	08/10	244	15/10	BN - 1829	CÁM 7C	1 660		1 660		TD	ĐN - CS
7		SÔNG HỒNG	08/10	249	15/10	HD - 2056	CÁM 7C	1 290		1 290		TD	ĐN - CS
8		MIỀN NAM	09/10	1225/9	16/10	AN THÀNH 18	CÁM 8A	2 400		2 400		TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
III		KHO BẢO NGUYỄN						6 464	2 269	4 195			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						2 294	2 269	25			
1		ĐIỆN DUYÊN HẢI		150/10		SƠN HẢI 07	CÁM 5B.14	2 294	2 269	25	09/10		
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>						4 170		4 170			
1		ĐIỆN PHẢ LẠI	09/10	1320/10	24/10	TĐ 01-CHN	CÁM 5A.14	2 380		2 380			
2		ĐIỆN PHẢ LẠI	09/10	1321/10	24/10	QN 1043	CÁM 5A.14	1 790		1 790			
IV		KHO CẢNG KM6						32 044	17 393	14 651			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						17 561	17 393	168			
1		THAN MIỀN NAM	08/10	208	15/10	TRƯỜNG XUÂN 36	Cục 4a.2	1 400	1 395	5	09/10		
2		THAN MIỀN NAM	08/10	208	15/10	TRƯỜNG XUÂN 36	Cám 5a.1	1 750	1 742	8	09/10		
3		VTT VINACOMIN	08/10	226	15/10	BN 1468	Đon 8a	1 050	999	51	09/10	TD	
4		KDT MIỀN BẮC	08/10	213	15/10	NB 8177	Cám 5b.1	2 350	2 343	7	09/10	CBPT	
5		CROMIT CĐ THANH HÓA	08/10	224	15/10	MINH HUY 36	Cám 5b.1	1 865	1 859	6	09/10	CBPT	
6		KDT HẢI PHÒNG	08/10	225	15/10	QN 9379	Cám 5b.1	1 920	1 908	12	09/10	CBPT	
7		KDT HẢI PHÒNG	09/10	264	16/10	HP 5686	Cám 5a.1	1 850	1 827	23	09/10	CBPT	
8		ĐIỆN VĨNH TÂN 1 (HPS-02)	08/10	154	18/10	QNL-TĐ03 (QN 8437)	Cám 6a.1	5 376	5 320	56	09/10		
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>						14 483		14 483			
1		DV VT QUẢNG NINH	03/10	98	10/10	BN 1336	Cục 1b	1 000		1 000		TD	NGUỒN DH
2		SX & TM UỐNG BÍ	06/10	174	13/10	BN 1816	Cục 1b	1 100		1 100		TD	NGUỒN DH
3		XNK THAN VINACOMIN	08/10	241	15/10	PHÚC THUẬN 36	Cám 6a.1	2 820		2 820		CBPT	
4		THAN MIỀN NAM	08/10	222	15/10	TRUNG HIẾU 68	Cục 4a.2	1 400		1 400			
5		THAN MIỀN NAM	08/10	222	15/10	TRUNG HIẾU 68	Cám 5a.1	1 750		1 750			
6		KDT HÀ NAM NINH	09/10	263	16/10	BN 2699	Cám 5a.1	1 963		1 963		CBPT	
7		ĐIỆN VĨNH TÂN 1 (VIỆT THUẬN 235-02)	09/10	163	19/10	CỬA ÔNG 18	Cám 6a.1	2 100		2 100			

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 09 THÁNG 10 NĂM 2025

[illegible]